

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Ý YÊN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2021

V/v Ly hôn giữa Bà L và ông K.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo

2. Bà Trương Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Ông Trần Xuân K – Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Thôn Vũ Xuyên, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

*Tại phiên tòa: Bà Loan, ông K vắng mặt (Bà L xin vắng mặt, ông K vắng mặt không lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà kết hôn với ông Trần Xuân K năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn bà và ông K chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không thể hoà hợp được, hay xảy ra cãi vã. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Theo bản tự khai, biên bản hoà giải, bị đơn ông Trần Xuân K trình bày:*

Về thời gian và điều kiện kết hôn, ông K trình bày phù hợp với lời khai của Bà L. Sau khi kết hôn ông và Bà L chung sống hạnh phúc. Đến nay có mâu thuẫn do có cháu ngoại của ông là con của con riêng của ông ở chung với vợ chồng ông có cãi hờn láo với Bà L khiến cho Bà L bức tức, chửi bới và cho rằng ông bảo cháu cãi hờn láo với Bà L trong khi ông không biết gì. Nguyên nhân cũng do 02 vợ chồng ông bà sống với nhau đã lâu mà không có con. Mâu thuẫn từ đây ngày càng trầm trọng, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Ông và Bà L đã sống ly thân 02 tháng nay. Nay ông xác định vẫn còn tình cảm với Bà L nên mong muốn vợ chồng được đoàn tụ và không đồng ý ly hôn bà Loan.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng hai bên đương sự không thống nhất giải quyết được các vấn đề trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Ý Yên đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt đơn khởi kiện, Bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Loan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Xuân K có hộ khẩu thường trú tại thôn Vũ Xuyên, xã Y, huyện Y, tỉnh N. Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên là phù hợp quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L có đề nghị xin xét xử vắng mặt; ông Trần Xuân K mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa bà Loan, ông K được xác lập vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc

đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã. Ông K, Bà L hiện đã sống ly thân nhau. Bà L không còn tình cảm với ông K nên đề nghị được ly hôn Ông K, ông K không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà Loan, ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà L xử cho bà Loan, ông K ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Không có.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Bà Loan, ông K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân K.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà L phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Bà L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001678, ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Bà L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Xuân K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Tảo**

**Trương Thị Dung**

**Lê Hoàng Minh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Minh**